

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 10/4/2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Bà Lê Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 725/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bank S (Ngân hàng S)

Trụ sở: No.36, N, S, B, Đ, Trung Quốc.

Ngân hàng S - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, tòa nhà F, số 31 D, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Lữ Thái Hoàng Q, ông Nguyễn Lâm V là đại diện theo Giấy ủy quyền số 43/UQ-BSP.HCM.24 ngày 23/02/2024.

(Có mặt)

Bị đơn: Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1997

Địa chỉ thường trú: 671 M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: 258/33 V, Phường N, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Ngân hàng S có ông Lữ Thái Hoàng Q, ông Nguyễn Lâm V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, bà Nguyễn Thị Bích L có ký thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL với Ngân hàng S – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt BS) để vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay là mua hàng hóa tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng từ ngày 06/3/2023 đến ngày 06/3/2027. Lãi suất trong hạn là 16%/năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi là 10%/năm, mỗi tháng bà L phải thanh toán số tiền là 7.127.914 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Thực hiện hợp đồng, BS đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản 070-008-0004568-3 của bà L mở tại Ngân hàng S.

Kể từ thời điểm giải ngân đến nay, bà L đã thanh toán cho BS tổng số tiền 35.812.836 đồng, trong đó gồm vốn gốc là 17.767.615 đồng, lãi trong hạn là 17.945.473 đồng, lãi phạt chậm trả là 99.748 đồng. Từ kỳ thanh toán tháng 9/2023 bà Nguyễn Thị Bích L vi phạm nghĩa vụ trả nợ với BSP.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận cho vay cá nhân, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ với BS. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì ngày 09/01/2024, BS ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên.

Tính đến ngày 11/12/2024, bà L còn nợ BS tổng số tiền là 300.297.321 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 232.232.385 đồng;
- Lãi trong hạn: 16.010.965 đồng;
- Lãi quá hạn: 49.312.285 đồng;
- Lãi phạt do chậm thanh toán lãi: 2.741.686 đồng.

Nay nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn bà L trả ngay số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/12/2024 là 300.297.321 đồng nêu trên. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà L còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày trả hết nợ.

Nguyên đơn xác nhận đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bà L vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng S do ông Nguyễn Lâm V là đại diện theo ủy quyền có mặt và trình bày:

Do bà Nguyễn Thị Bích L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2025 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 320.108.165 đồng, trong đó: nợ gốc: 232.232.385 đồng; lãi trong hạn: 16.010.965 đồng; lãi quá hạn: 67.636.375 đồng; lãi phạt do chậm thanh toán lãi: 4.228.440 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà L còn phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu phải trả số tiền gốc lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng là tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Bích L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 258/33 V, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc là 232.232.385 đồng:

Căn cứ Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Ngân hàng S cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Bích L với khoản vay là 250.000.000 đồng; mục đích vay mua hàng hóa tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng từ ngày 06/3/2023 đến ngày 06/3/2027. Lãi suất trong hạn là 16%/năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm thanh toán lãi là 10%/năm.

Căn cứ Điều 1 Mục II các điều khoản và điều kiện chung của khoản vay cá nhân tại Ngân hàng S của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 quy định: *“Bên vay đồng ý chấp nhận nghĩa vụ trả nợ và cam kết thanh toán đúng hạn các khoản nợ phải trả theo quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân... Kể từ ngày khoản vay được giải ngân, Khoản vay sẽ được hoàn trả hàng năm với nợ gốc và tiền lãi của khoản vay được phân bổ hàng tháng...”*.

Căn cứ Điều 17, Mục II Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 quy định: *“Các trường hợp sau đây sẽ được xem xét như là trường hợp vi phạm: Bên vay không thanh toán đầy đủ khoản đến hạn và khoản phải trả cho Ngân hàng vào ngày đến hạn...”*

Căn cứ điểm b khoản 17.10 Điều 17 Mục II các điều khoản và điều kiện chung của khoản vay cá nhân tại Ngân hàng S của Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 quy định: *“Các trường hợp khác mà Ngân hàng S nhận thấy cần thiết thu hồi nợ trước khi đáo hạn theo luật của Việt Nam. Khi bất kỳ trường hợp vi phạm nào xảy ra, Ngân hàng có thể thực hiện bất kỳ hoặc toàn bộ các hoạt động sau: ...Không cần thông báo trước cho Bên vay, thực hiện bất kỳ hành động nào hoặc làm bất cứ điều gì để thu hồi khoản tiền mà Bên vay đang nợ Ngân hàng S bao gồm nhưng không giới hạn thu giữ và/hoặc bù trừ vào bất kỳ tài sản nào của Bên vay để trở thành tài sản thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng...”*

Căn cứ khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

Căn cứ Bảng lịch sử giao dịch thì trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng S đã giải ngân số tiền vay cho bà L 01 lần và bà L cũng đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 35.812.836 đồng, trong đó gồm vốn gốc là 17.767.615 đồng, lãi trong hạn là 17.945.473 đồng, lãi phạt chậm trả là 99.748 đồng. Tuy nhiên, kể từ tháng 9/2023 đến nay bà L không trả thêm được bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng S. Ngày 09/01/2024, Ngân hàng đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn, từ ngày 25/01/2024 Ngân hàng S đã chuyển khoản vay của bà L sang nợ quá hạn.

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng S thông báo nhắc nợ nhiều lần và tạo điều kiện để bà L trả nợ

nhưng phía bà L vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng S là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023. Do đó việc Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 232.232.385 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*”.

Căn cứ Điều 17, Mục II Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 quy định: “*Bên vay sẽ thanh toán đầy đủ tất cả các phần nợ gốc và tiền lãi của khoản vay, phí, các chi phí và các khoản nợ đó đối với bất kỳ khoản vay riêng lẻ nào cho Ngân hàng S theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Bên vay*”.

Căn cứ Điều 3, mục II Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 quy định: “*Trường hợp bên vay bị quá hạn trả nợ gốc và lãi vay theo lịch thanh toán được quy định tại Thỏa thuận, bên vay sẽ thanh toán tiền phạt quá hạn cho dư nợ thanh toán của khoản nợ gốc đến hạn và tiền phạt quá hạn đối với khoản tiền lãi đến hạn chưa thanh toán kể từ ngày sau ngày đến hạn... Trong trường hợp phạt quá hạn cho khoản nợ gốc đến hạn, lãi quá hạn cho số ngày quá hạn sẽ được tính bằng 150% của lãi suất ban đầu của khoản vay... Trong trường hợp phạt quá hạn cho khoản lãi đến hạn chưa thanh toán theo công thức tính như sau: 10% của tiền lãi chưa thanh toán...*”

Từ những nhận định trên, xét thấy đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ lãi, phí tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 87.875.780 đồng, trong đó lãi trong hạn: 16.010.965 đồng; lãi quá hạn: 67.636.375 đồng; lãi phạt: 4.228.440 đồng là phù hợp với nhận định cũng như các căn cứ pháp luật đã được viện dẫn ở trên nên được chấp nhận.

Xét, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 16.005.408 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 208, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; khoản 1 Điều 103 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2024;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho nguyên đơn Bank S (Ngân hàng S) số tiền nợ phát sinh theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023 tạm tính đến ngày 10/4/2025 là 320.108.165 đồng (ba trăm hai mươi triệu một trăm lẻ tám nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó gồm: vốn gốc 232.232.385 đồng, lãi trong hạn 16.010.965 đồng, lãi quá hạn 67.636.375 đồng, lãi phạt 4.228.440 đồng.

Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Bích L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Thỏa thuận cho vay cá nhân số 23038PL ngày 06/3/2023.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.005.408 đồng (mười sáu triệu không trăm lẻ năm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng).

Hoàn trả cho Bank S (Ngân hàng S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.331.292 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0001522 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bank S (Ngân hàng S) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Bích L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận B;
- CCTHADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T.K Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sơn